VĂN HÓA VÀ LỐI SỐNG ĐÔ THỊ NHƯ MỘT THÀNH TỐ TRỌNG YẾU CỦA PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ BỀN VỮNG TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ HIỆN NAY

Phạm Đi*

1. Điều kiện sống, một thành tố trọng yếu của lối sống

Nói đến điều kiện sống chúng ta thường nói đến những điều kiện sinh tồn xã hội tức là hoàn cảnh địa lí, yếu tố nhân khẩu (số lượng, chất lượng, mật độ nhân khẩu) và phương thức sản xuất gắn với chủ thể xã hội đó. Trong khuôn khổ của bài viết này, chúng tôi muốn xem xét điều kiện sống đô thị thông qua các điều kiện cụ thể là điều kiện kinh tế-xã hội, điều kiện chính trị-xã hội, điều kiện tư tưởng văn hóa-xã hội thông qua ý kiến đánh giá của chính người dân đô thị[1].

1.1. Môi trường sinh thái đô thị - chỉ báo về phát triển bền vững

Nói đến đô thị không thể không nói đến môi trường sinh thái, bởi môi trường sinh thái có ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của đô thị với tư cách là một thành tố quan trọng trong phát triển đô thị bền vững. Chúng tôi chỉ muốn tìm hiểu ý kiến của người dân khi họ đánh giá về hệ thống cây xanh thành phố, thông qua câu hỏi: "So với 5 năm trước đây, đô thị nơi ông bà sống nhiều cây xanh hơn?"; "So với 5 năm trước đây, đô thị nơi ông bà sống sạch hơn?" với 3 thang đo là "đồng ý", "không đồng ý" và "khó trả lời", chúng tôi thu được kết quả như bảng 1.

Một cách tổng quan, người dân đô thị tại địa bàn điều tra nhận định về hệ thống cây xanh đô thị cũng như môi trường đô thị nói chung có tỉ lệ không cao: gần một nửa ý kiến "đồng ý" hệ thống cây xanh đô thị cũng như môi trường đô thị sạch hơn; nữa còn lại nhận định ngược chiều (tức bao gồm "không đồng ý" và "khó trả lời"). Điều này đủ thấy, ***môi trường đô thị ở nước ta nhìn chung không có chiều hướng phát triển tích cực***. Thực tế cho thấy hệ thống cây xanh trong các đô thị lớn

---

* ThS, NCS. Xã hội học, Khoa Xã hội học, Học viện Chính trị - Hành chính Khu vực 3, TP. Đà Nẵng.

1. Mẫu điều tra gồm 2.500 cư dân trong các đô thị lớn, ở 3 vùng Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam Bộ.

ở nước ta ngày càng ít đi, tình trạng ô nhiễm ngày càng tăng thêm. Xét về yếu tố vùng địa lý, thì Bắc Bộ và Trung Bộ có tỉ lệ "đồng ý" cao hơn khu vực Nam Bộ, tỉ lệ "khó trả lời" trên địa bàn Nam Bộ lại cao hơn nhiều so với hai địa bàn còn lại.

Bảng 1: **Nhận định chung về môi trường sống đô thị so với 5 năm trước đây**

		Bắc Bộ		Nam Bộ		Trung Bộ [1]		Tổng	
		Tần số	%	Tần số	%	Tần số	%	Tần số	%
Nơi ở hiện nay nhiều cây xanh hơn?	- Đồng ý	545	54,5	505	50,5	531	53,1	1581	52,7
	- Không đồng ý	433	43,3	407	40,7	448	44,8	1288	42,9
	- Khó trả lời	22	2,2	88	8,8	21	2,1	131	4,4
Nơi ở hiện nay sạch hơn?	- Đồng ý	568	56,8	512	51,2	662	66,2	1742	58,1
	- Không đồng ý	406	40,6	378	37,8	305	30,5	1089	36,3
	- Khó trả lời	26	2,6	110	11,0	33	3,3	169	5,6

Tiếp theo, chúng ta tìm hiểu sự nhận định của người dân đô thị về môi trường sống của đô thị mà họ đang sống. Chúng tôi đưa ra khái niệm "sạch" là để chỉ toàn bộ hoàn cảnh, môi trường bên ngoài có ảnh hưởng, tác động đến đời sống người dân như: nguồn nước, không khí, ánh sáng... và những yếu khác tạo nên môi trường sinh thái đô thị; "sạch hơn" là để so sánh với khoảng 5 năm trước, ý kiến của người dân thể hiện ở số liệu thống kê từ bảng 1: có 58,1% số người được hỏi cho rằng môi trường sống nơi đô thị mà họ đang sống "sạch" hơn so với những năm trước, 36,3% "không đồng ý", nghĩa là họ cho rằng môi trường sống mà họ ở không sạch hơn trước và 5,6% tỏ ra lưỡng lự. Dường như người dân thuộc khu vực đô thị Trung Bộ có nhận định tỏ ra lạc quan hơn hai vùng còn lại; thị dân Bắc Bộ nhận định lạc quan hơn thị dân Nam Bộ. Tuy nhiên số liệu từ bảng 1 không chứng minh được sự tương quan này.

Ảnh hưởng, tác động và quyết định đến môi trường sinh thái đô thị chính là chủ thể xã hội-con người, trong xã hội đô thị thì đó chính là con người đô thị. Không thể có một môi trường sinh thái tốt khi ý thức tôn tạo và bảo vệ môi trường

1. Trong mẫu chúng tôi chỉ điều tra địa bàn Duyên hải miền Trung và Tây Nguyên, để tiện cho việc trình bày và phân tích, chúng tôi tạm gọi là Trung Bộ.

của thị dân còn kém. Chỉ nói đến những hành vi, thói quen như vứt xả rác bừa bãi, khạc nhổ lung tung, phóng uế, tiểu tiện không đúng nơi qui định mà chúng ta gọi chung là ý thức giữ gìn vệ sinh nơi công cộng của thị dân hiện nay trên các đô thị nước ta đang ở mức đáng báo động, thực trạng đã phản ánh qua kết quả thống kê ở bảng sau:

***Bảng 2:* Đánh giá của người dân đô thị về ý thức giữ gìn vệ sinh công cộng**

	Bắc Bộ		Nam Bộ		Trung Bộ		Tổng	
	Tần số	%	Tần số	%	Tần số	%	Tần số	%
Đáng báo động	414	41,4	380	38,0	432	43,2	1.226	40,9
Bình thường	527	52,7	543	54,3	547	54,7	1.617	53,9
Khó trả lời	59	5,9	77	7,7	21	2,1	157	5,2

Có đến 40,9% số người được hỏi cho rằng, ý thức giữ gìn vệ sinh công cộng của thị dân trong các đô thị Việt Nam là "đáng báo động", các vùng đô thị khác nhau tỉ lệ này cũng không chênh lệch đáng kể. Có thể nói, đây là một chỉ báo khả tín để các nhà hoạch định, qui hoạch, kiến tạo và phát triển đô thị tham khảo. Điều chúng ta cần thừa nhận là, không thể có một đô thị văn minh, sạch đẹp, không thể có một lối sống có văn hóa khi người dân đô thị chưa "sạch" và ý thức bảo vệ môi trường, giữ gìn vệ sinh nơi công cộng còn ở mức thấp. Từ giác độ môi trường sinh thái mà nói, xây dựng lối sống đô thị nên xuất phát từ những chủ thể đô thị - người quản lí đô thị và thị dân, từ vấn đề quản lí và thực thi pháp luật, xây dựng ý thức bảo vệ môi trường, ý thức vệ sinh nơi công cộng; nâng cao nhận thức của thị dân về ý thức bảo vệ môi trường đô thị. Song song với việc xây dựng quan niệm đúng đắn về bảo vệ môi trường sinh thái, cần hình thành hệ chuẩn mực của lối sống đô thị mà trước hết là chuẩn mực về "y, thực, trú, hành"[1] và các mối quan hệ giữa con người với con người, con người với tự nhiên. Có như thế mới dần hình thành hệ chuẩn mực cho lối sống đô thị ở nước ta, tiến đến xây dựng một hệ thang đo chuẩn về đô thị bền vững.

1.2. Điều kiện về sinh hoạt tinh thần - thành tố phát triển đô thị bền vững

Không thể có một đời sống văn hóa tinh thần phong phú nếu như những điều kiện để đáp ứng nó không có hoặc không đủ để thỏa mãn. Một góc độ khác, nếu

1. Đó là các lĩnh vực thuộc về: mặc, ăn uống, chỗ ở, đi lại.

như những điều kiện bên ngoài đã được đáp ứng đầy đủ nhưng chính những chủ thể xã hội đô thị-cư dân đô thị cảm thấy không mặn mà, không hài lòng với những điều kiện đó thì khó có một đời sống tinh thần phong phú.

Tìm hiểu sự đánh giá của thị dân về điều kiện vui chơi, giải trí và hưởng thụ văn hóa (từ đây tạm gọi là điều kiện sinh hoạt tinh thần) hiện nay, kết quả khảo sát được cho ở bảng 3 dưới đây:

***Bảng 3:* Đánh giá về điều kiện sinh hoạt tinh thần ở đô thị**

	Bắc Bộ		Nam Bộ		Trung Bộ		Tổng	
	Tần số	%	Tần số	%	Tần số	%	Tần số	%
Tốt hơn	861	86,1	726	72,6	780	78,0	2367	78,9
Như trước	105	10,5	217	21,7	157	15,7	479	16,0
Kém hơn	19	1,9	42	4,2	34	3,4	95	3,2
Khó trả lời	15	1,5	15	1,5	29	2,9	59	2,0

Một cách khái quát, chúng ta thấy rằng, đại đa số (78,9%) số người được hỏi thừa nhận điều kiện sinh hoạt tinh thần hiện nay đã tốt hơn 5 năm trước đây, chỉ có 3,2% cho rằng "kém hơn". Nhìn chung, điều kiện để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tinh thần của thị dân là cao hơn trước[1].

Xét theo vùng đô thị, chúng ta dễ dàng nhận thấy vùng Bắc Bộ đánh giá "tốt hơn" chiếm tỉ lệ cao nhất (86,1%), sau đó là trung vực Trung Bộ (78,0%) và cuối cùng là vùng đô thị phía Nam (72,6%).

Cần phải nói thêm rằng, điều kiện sinh hoạt tinh thần đã đáp ứng tốt hơn không đồng nghĩa với đời sống văn hóa tinh thần tăng lên hay tốt hơn, mà nếu có thể, nó sẽ là chất xúc tác thúc đẩy sự phong phú trong đời sống văn hóa tinh thần. đời sống tâm linh của thị dân. Chỉ biết rằng, theo số liệu điều tra, 83,6% số người được hỏi tỏ ra "hài lòng" với những điều kiện sinh hoạt tinh thần hiện có.

1. Theo điều tra của chúng tôi, số hộ gia đình có từ một dàn âm thanh và video trở lên là 79,1%; có từ 1 bộ máy tính để bàn trở lên là 80,3%; có radio là 61,0%; có tivi màu là 99,0% có máy tính kết nối Internet là 52,4%; có điện thoại cố định là 90,2%; có điện thoại cầm tay là 97,5%.

1.3. Dân phong, dân tục, văn hóa lễ, quan hệ họ tộc và phát triển đô thị bền vững

Có người cho rằng, kiến trúc đô thị chỉ làm nên "phần xác", còn không gian xã hội sẽ làm nên "phần hồn" của đô thị đó, thông qua con người đô thị với những phong tục, tập quán, lối sống và tất cả những thói quen sinh hoạt, ăn uống, đi lại, đời sống tâm linh và nó được kết tinh trong cái gọi là dân phong, dân tục[1]. Ngày nay, với xu thế hội nhập quốc tế mạnh mẽ, thế giới trở nên "nhỏ" lại, sự tiếp biến văn hóa trở nên ngày càng phổ biến, sự du nhập, xâm nhập văn hóa cũng không là ngoại lệ. Nếu như trước đây, người dân Việt Nam không biết ngày Valentine (ngày lễ tình nhân) là gì thì hiện nay dường như nó đã trở thành một ngày lễ đáng nhớ đối với lớp trẻ đô thị nước ta. Ngày lễ giáng sinh của những người theo đạo Thiên chúa giờ đây cũng được nhiều người dân không theo đạo chú ý. Xuất phát từ nguồn gốc phát sinh, chúng tôi muốn chia hoạt động dân phong, dân tục và văn hóa lễ thành hai loại, đó là: "có nguồn gốc Châu Âu" và "có nguồn gốc bản địa".

Trước đây khoảng vài chục năm, dường như khái niệm "kỉ niệm ngày sinh nhật" hay "kỉ niệm ngày cưới" nằm ngoài suy nghĩ của người dân Việt Nam nói chung, của thị dân nói riêng. Cùng với đời sống vật chất ngày càng được nâng cao, sự giao lưu văn hóa ngày càng rộng, cư dân đô thị ngày nay đã dần tiếp biến các sự kiện này trong đời sống văn hóa tinh thần của mình. Số liệu từ bảng 4 cho thấy, đại đa số cư dân đô thị Việt Nam có tổ chức mừng sinh nhật cho thành viên gia đình của mình (75,0%), thị dân các vùng đô thị phía Nam có tổ chức sinh nhật "hàng năm" cao hơn nhiều so với hai vùng đô thị còn lại, thị dân vùng Trung Bộ chiếm tỉ lệ tương ứng thấp nhất (70,0%). Số liệu còn cho thấy, việc tổ chức mừng lễ Giáng sinh hằng năm cũng chiếm tỉ lệ tương đối cao (34,6%) và vùng đô thị Nam bộ cũng chiếm tỉ lệ cao nhất trong tiêu chí lựa chọn tương ứng này (64,2%). Điều đáng nói là trong tất cả các ngày lễ "có nguồn gốc Châu Âu" này, vùng đô thị phía Nam đều chọn với tần suất "hằng năm" cao hơn hai vùng đô thị còn lại. Chỉ báo này gợi ra rằng, dường như thị dân vùng đô thị phía Nam có sự tiếp biến văn hóa nhanh hơn, mạnh hơn hai vùng đô thị còn lại (*xem bảng 4*).

So với những tập tục "có nguồn gốc Châu Âu" thì những tập tục "có nguồn gốc bản địa" được cư dân thành thị thực hành với tần suất "hằng năm" có tỉ lệ cao hơn nhiều trong tất cả các hạng mục, chẳng hạn như "Tết trung thu", "đưa ông Táo về trời", "giỗ kị", "thôi nôi" là những hiện tượng dân tục, dân phong được thị dân lựa chọn gần như tuyệt đối (tỉ lệ đều trên 95%), đặc biệt cả ba vùng đô thị đều có tỉ

1. Dân phong, dân tục tức là những phong tục, tập tục, hôn tục, tế tục, thực tục và những thói quen, tập quán trong nhân dân (customs and morals of the people)

lệ rất cao và tỉ lệ không có sự khác biệt nhiều. Có thể nói, đây là chỉ báo cho thấy nhiều nét văn hóa từ ngàn xưa của ông cha ta vẫn còn lưu truyền và thực hiện cho đến ngày nay. Ngày nay, cho dù nhịp sống đô thị đã khẩn trương hơn, sự giao thoa và tiếp biến văn hóa khiến nhiều hiện tượng dân phong, dân tục có nguy cơ lu mờ, nhưng đối với cư dân đô thị Việt Nam, như số liệu điều tra đã khẳng định, bên cạnh tiếp biến những "hiện tượng mới", "nét văn hóa mới" từ bên ngoài, thì cư dân đô thị Việt Nam vẫn còn giữ và thực hành những phong tục vốn cổ xưa của mình. Đây là những yếu tố quan trọng tạo nên diện mạo, phong cách, cốt cách văn hóa, lối sống đô thị Việt Nam.

Bảng 4: **Mức độ tổ chức các ngày kỉ niệm trong năm ở đô thị**

		Bắc Bộ		Nam Bộ		Trung Bộ		Tổng	
		Tần số	%	Tần số	%	Tần số	%	Tần số	%
Sinh nhật	Hàng năm	721	72,1	828	82,8	700	70,0	2249	75,0
	Vài ba năm 1 lần	262	26,2	0	0	102	10,2	364	12,1
	Chưa bao giờ	17	1,7	172	17,2	198	19,8	387	12,9
Kỉ niệm ngày cưới	Hàng năm	173	17,3	376	37,6	132	13,2	681	22,7
	Vài ba năm 1 lần	661	66,1	420	42,0	537	53,7	1618	53,9
	Chưa bao giờ	166	16,6	204	20,4	331	33,1	701	23,4
Giáng sinh	Hàng năm	135	13,5	642	64,2	260	26,0	1037	34,6
	Vài ba năm 1 lần	262	26,2	74	7,4	224	22,4	560	18,7
	Chưa bao giờ	603	60,3	284	28,4	516	51,6	1403	46,8
Phục sinh	Hàng năm	19	1,9	75	7,5	67	6,7	161	5,4
	Vài ba năm 1 lần	6	0,6	8	0,8	22	2,2	36	1,2
	Chưa bao giờ	975	97,5	917	91,7	911	91,1	2803	93,4
Ngày lễ tình yêu	Hàng năm	171	17,1	443	44,3	243	24,3	857	28,6
	Vài ba năm 1 lần	309	30,9	124	12,4	219	21,9	652	21,7
	Chưa bao giờ	520	52,0	433	43,3	538	53,8	1491	49,7

Bảng 5: **Mức độ tổ chức các ngày giỗ, tết trong năm ở đô thị**

		Bắc Bộ		Nam Bộ		Trung Bộ		Tổng	
		Tần số	%	Tần số	%	Tần số	%	Tần số	%
Đầy tháng, thôi nôi cho con, cháu	Hàng năm	1000	100,0	1000	100,0	955	95,5	2955	98,5
	Vài ba năm 1 lần	0	0	0	0	0	0	0	0
	Chưa bao giờ	0	0	0	0	45	4,5	45	1,5
Giỗ ông bà tổ tiên	Hàng năm	973	97,3	880	88,0	931	93,1	2784	92,8
	Vài ba năm 1 lần	18	1,8	51	5,1	1	0,1	70	2,3
	Chưa bao giờ	9	0,9	69	6,9	68	6,8	146	4,9
Tết Đoan ngọ	Hàng năm	921	92,1	679	67,9	764	76,4	2364	78,8
	Vài ba năm 1 lần	48	4,8	152	15,2	129	12,9	329	11,0
	Chưa bao giờ	31	3,1	169	16,9	107	10,7	307	10,2
Đưa ông Táo về trời	Hàng năm	1000	100,0	932	93,2	935	93,5	2867	95,6
	Vài ba năm 1 lần	0	0	0	0	0	0	0	0
	Chưa bao giờ	0	0	68	6,8	65	6,5	133	4,4
Tết Trung thu	Hàng năm	1000	100,0	988	98,8	946	94,6	2934	97,8
	Vài ba năm 1 lần	0	0	4	0,4	24	2,4	28	0,9
	Chưa bao giờ	0	0	8	0,8	30	3,0	38	1,3

Có đến 96,6% số người được hỏi cho rằng "là những phong tục tốt cần được giữ gìn"; 87,5% cho rằng "là dịp để tỏ lòng thành kính với tổ tiên thần thánh";

96,0% nhận thấy đó "là dịp để gia đình sum họp"; 85,3% số người được hỏi quả quyết đây "là dịp để giáo dục con cái".

Ngoài những hoạt động dân phong, dân tục nêu trên, đối với người Việt Nam, việc sinh hoạt họ tộc hai bên nội ngoại cũng là một nét văn hóa, một phong tục có từ lâu trong đời sống tinh thần. Đây cũng là dịp để con người không quên đi gốc rễ của mình, để khuyến khích con cháu học tập (92,7%), để tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau (91,8%), để giải quyết các bất đồng, mâu thuẫn trong tộc họ (74,1%). Chính lẽ đó mà có đến 97,6% số người được hỏi trả lời là họ "có tham gia" các sinh hoạt của họ tộc bên Ngoại và 98,6% "có tham gia" các sinh hoạt của họ tộc bên nội của mình.

Tóm lại, những hoạt động dân phong, dân tục cũng như thực hành văn hóa lễ của thị dân hiện nay là phong phú, đa dạng, nhiều chiều, vừa dung nạp những nét mới từ các nước phương Tây nhưng cũng giữ gìn nhiều nét phong tục cổ xưa của dân tộc. Mặc dù nhịp sống đô thị ngày càng hối hả, con người đô thị phải "đương đầu" với nhu cầu "cơm, áo, gạo, tiền" nhưng vẫn có những hoạt động tương đối phong phú. Cần lưu ý rằng, theo đánh giá của chính người dân ở các đô thị trong mẫu điều tra, thì mục đích của các hoạt động này không phải là "thần thánh hóa" mà là "phong tục tốt cần được giữ gìn", "là dịp để các thành viên trong gia đình sum họp", "là dịp để giáo dục con cái". Chính lẽ đó, khi xây dựng lối sống đô thị trong bối cảnh hội nhập quốc tế như hiện nay, chúng ta cần phải tạo điều kiện để phát huy các nét văn hóa này, góp phần làm phong phú thêm các hoạt động văn hóa tinh thần của thị dân.

2. Quản lí đô thị, yếu tố sống còn của phát triển đô thị bền vững

2.1. Vai trò của chính quyền và người quản lí đô thị

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế như hiện nay, việc lựa chọn và xây dựng phương thức phát triển đô thị bền vững là xu thế tất yếu. Tuy nhiên, cho đến thời điểm hiện nay, nhiều đô thị trong cả nước vẫn còn tồn tại những yếu kém về mặt qui hoạch, xây dựng và quản lí đô thị, trong đó có cả những yếu kém về nhận thức, tổ chức thực hiện, giám sát... Chính điều này là điều kiện "màu mỡ" để này sinh tình trạng xây dựng không phép, trái phép dẫn đến bộ mặt kiến trúc của thành phố còn lộn xộn, thiếu mĩ quan. Đây này là những thách thức lớn khi tiến hành kiến tạo và xây dựng mô thức phát triển bền vững về đô thị.

Một đô thị gọi là văn minh hiện đại và bền vững không chỉ có những kiến trúc đồ sộ, nhà cao tầng, các trung tâm mua sắm... mà nó còn phải có một không gian văn hóa - xã hội, ở đó chủ thể xã hội của nó - con người đô thị, với tất cả những văn hóa nguyên hữu và hiện hữu, lối sống hiện hữu tôn tạo nên cái nét riêng cho thành phố đó. Dễ hiểu, muốn xây dựng một thành phố văn minh hiện đại và bền vững th

phải xây dựng được cả hai "mảng" nêu trên: không gian kiến trúc và không gian văn hóa xã hội.

Để làm được điều này, vai trò của chính quyền sở tại là vô cùng quan trọng. Nếu chỉ chú trọng đến không gian kiến trúc mà bỏ quên không gian xã hội thì chúng ta sẽ có những "thành phố vô hồn", "thành phố lạnh"; nếu chúng ta chỉ chú trọng đến không gian xã hội mà không chú trọng đến không gian đô thị thì vô tình chúng ta sẽ tiến hành quá trình ngược lại "nông thôn hóa đô thị", "làng quê đô thị". Việc xây dựng một lối sống đô thị vừa có thể kế thừa những nét truyền thống vừa có thể tiếp biến những nét văn hóa hiện đại, vừa mang nét văn hóa chung của dân tộc, vừa có cái riêng của văn hóa bản địa, vừa có cái "luật" nhưng cũng vừa có cái "tục" - là điều chúng ta phải phải phấn đấu thực hiện trong quá trình đô thị hóa hiện nay.

2.2. Sự tham gia của người dân vào công tác qui hoạch đô thị và xây dựng lối sống đô thị như là một thành tố phát triển bền vững

Quản lý đô thị không đơn thuần chỉ là mặt hành chính mà nó, ở một giác độ nào đó mà nói, là một khoa học, một nghệ thuật. Quản lí đô thị không chỉ là việc quản lí kinh doanh, đất đai, nhà ở, cơ sở hạ tầng kĩ thuật, quản lí hành chính nhà nước, môi trường, tài chính đô thị mà còn là quản lí con người gắn với văn hóa xã hội hiện hữu. Quản lí đô thị không chỉ là nhiệm vụ của nhà quản lí mà, đó là nhiệm vụ của toàn thể người dân với tư cách là một công dân đô thị.

Kinh nghiệm nhiều nước cho thấy, nếu chỉ "đóng khung" cho việc cải tiến việc quản lí đô thị bằng những định chế nhà nước thì rất khó lòng có được một cơ chế quản lí tối ưu. Hơn thế nữa, các nguồn lực nhà nước ngày càng không đáp ứng được nhu cầu phát triển đô thị nên sự tham gia của các nhân tố khác ngoài định chế nhà nước trở nên cần thiết, đặc biệt là các nguồn lực trong nhân dân. Phát huy vai trò của nhân dân trong việc quản lí đô thị là cách làm đúng phù hợp với nguyện vọng của nhân dân và thể hiện vai trò, quyền của người dân vào công tác xây dựng quản lí đô thị nói riêng, trong việc phát triển kinh tế-văn hóa-xã hội nói chung.

Các tầng lớp dân cư trong đô thị vừa là đối tượng chịu sự quản lí của công tác quản lí đô thị nhưng lại vừa là chủ thể tham gia vào công tác quản lí đô thị. Nếu có định hướng đúng và khuyến khích được sự tham gia tích cực của các bộ phận dân cư thì công tác quản lý đô thị sẽ có nhiều thuận lợi hơn. Những người có trách nhiệm về quản lí xây dựng đô thị phải "nhìn thấy" được nguồn lực này, thấy được sự tham gia của người dân vào công tác quản lí đô thị là cần thiết và tất yếu. Và kế đến là có những động thái tích cực và thiết thực để "kéo" người dân vào công tác quản lí đô thị mà cụ thể là tiến hành nghiên cứu nhu cầu của người dân để làm cơ sở cho các chính sách quản lí đô thị, đặc biệt là trong quá trình xây dựng lối sống đô thị.

Thời gian vừa qua, trong công tác quản lí, xây dựng và qui hoạch đô thị, chúng ta đã chưa chú trọng đúng mức về vai trò của các tầng lớp nhân dân, chưa phát huy hết tiềm năng của họ và chưa đặt họ đúng vào vai trò, vị trí cần thiết. Nói khác đi, chưa thiết lập được mối quan hệ giữa người dân trong công tác quản lí đô thị, chính lẽ đó sự tham gia của người dân vào công tác quản lí đô thị còn mờ nhạt. Trong quá trình xây dựng lối sống đô thị mà nói, nếu không có sự tham gia của cư dân đô thị - chủ thể xã hội đô thị, thì không thể nào xây dựng được một lối sống đô thị theo mong muốn chủ quan của những người có trách nhiệm về quản lí đô thị.

Tóm lại, trong bối cảnh hội nhập quốc tế như hiện nay, phát triển đô thị bền vững là điều tất yếu, nhưng điều tiên quyết là chính những người làm công tác qui hoạch, quản lí đô thị cần phải có cái nhìn đúng đắn, khoa học, toàn diện về nội hàm và ngoại diện của thuật ngữ phát triển đô thị bền vững. Muốn xây dựng và thúc đẩy phát triển bền vững đô thị thì trước hết phải có những điều kiện sống tương ứng trong đó có thể kể đến là điều kiện về môi trường sinh thái, điều kiện về giáo dục và chăm sóc sức khỏe, những điều kiện về vật chất và tinh thần, điều kiện về nhà ở, điều kiện về giao thông đi lại, điều kiện về an ninh trật tự mà đặc biệt là những điều kiện về văn hóa và lối sống đô thị.

Tài liệu tham khảo

1. Trịnh Duy Luân, 2005, *Xã hội học đô thị*, Nxb. Khoa học xã hội, trang 27-33.
2. Nguyễn Minh Hòa, 2005, *Vùng đô thị Châu Á và thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb. Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, trang 40-45.
3. Nguyễn Minh Hòa, 2012, *Đô thị học, những vấn đề lí thuyết và thực tiễn*, Nxb. Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, trang 19-28.
4. Trịnh Duy Luân, 2009, *Giáo trình xã hội học đô thị*, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội, trang 20.
5. Phạm Đi, 2008, *Tập bài giảng về phát triển đô thị bền vững (dành cho sinh viên Đô thị học và quản lí đô thị)*, trang 50-55.